

## THƯ MỤC

### TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 245 THÁNG 11 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 245 tháng 11 năm 2017.

**1. Nền kinh tế phi chính thức và thất thoát thu thuế ở Việt Nam/ Nguyễn Thái Hòa, Lê Việt An// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 2 – 12**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu được thực hiện nhằm ước tính quy mô nền kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và xu hướng phát triển của nó trong giai đoạn 1995 - 2015. Từ đó, ước lượng số thu thuế bị thất thoát của Việt Nam do nền kinh tế phi chính thức gây ra. Trong nghiên cứu này, phương pháp mô hình MIMIC được sử dụng để xác định quy mô nền kinh tế phi chính thức dựa vào các nguyên nhân quan sát được trong nền kinh tế. Kết quả cho thấy quy mô nền kinh tế phi chính thức của Việt Nam hiện vẫn còn lớn, khoảng 20-30% GDP và có xu hướng gia tăng mạnh từ năm 2007 cho đến nay; trong khi các quốc gia khác lại có chiều giảm. Bên cạnh đó, với quy mô nền kinh tế phi chính thức hiện tại, số thuế bị thất thoát hằng năm ở khu vực này của Việt Nam tương đối lớn. Điều này đặt ra những mối quan tâm cần thiết trong việc kiểm soát và thu hẹp phạm vi của khu vực này.

**Từ khóa:** Nền kinh tế phi chính thức; Mô hình MIMIC; Thất thoát thu thuế

**2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ở Việt Nam: Kết quả thực hiện và hướng hoàn thiện/ Bùi Đức Triệu// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 13 – 21**

**Tóm tắt:** Xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần có sự quản lý và hoạch định chính sách kinh tế xã hội ở tầm vĩ mô của nhà nước, một trong các công cụ quan trọng của nó là Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia do Chính phủ ban hành. Kết quả thực hiện hệ thống chỉ tiêu này ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy ngoài những ưu điểm là làm tăng số lượng và chất lượng của các chỉ tiêu thống kê, tăng tính hội nhập quốc tế, còn một số hạn chế về quy mô, chuẩn mực, về phân tổ, kỳ hạn công bố và phương pháp tính của một số chỉ tiêu trong hệ thống. Từ thực tế đó, bài viết khuyến nghị hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ở Việt Nam theo hướng: rà soát giảm các chỉ tiêu có tính chuyên ngành, bổ sung một số chỉ tiêu quan trọng, tách gộp một số chỉ tiêu, chuẩn hóa tên gọi, kỳ công bố, phương pháp thu thập, tính toán một số chỉ tiêu theo hướng hội nhập quốc tế.

**Từ khóa:** Chỉ tiêu; Hệ thống chỉ tiêu; Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Thống kê

**3. Tác động của các chương trình trợ cấp đến phúc lợi hộ gia đình ở Việt Nam/** Nguyễn Hoàng Oanh, Nguyễn Hồng Đức, Hồ Đình Bảo// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 22 – 30

**Tóm tắt:** Bài viết này sử dụng phương pháp kết nối điểm xu hướng (PSM) để xác định các nhân tố quyết định khả năng tham gia hai nhóm chính sách hỗ trợ tư liệu sản xuất (HTTLSX) và hỗ trợ thu nhập (HTTN) và phương pháp khác biệt kép (DID) để đánh giá tác động của các chính sách này đến phúc lợi hộ gia đình ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy các chính sách hỗ trợ tuy chưa cải thiện phúc lợi của các hộ tham gia chính sách trong giai đoạn nghiên cứu một cách rõ ràng, nhưng xu hướng tác động là tích cực theo thời gian. Đáng chú ý là, mặc dù các chính sách này không làm tăng tổng thu nhập hay tổng chi tiêu của các hộ tham gia chính sách, nhưng làm tăng đáng kể thành phần thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc biệt đối với nhóm được hỗ trợ về tư liệu sản xuất, đồng thời làm tăng chi tiêu cho hàng hóa lâu bền và dịch vụ y tế so với các hộ không được nhận hỗ trợ.

**Từ khóa:** Phương pháp khác biệt kép (DID); Phúc lợi hộ gia đình; Hỗ trợ thu nhập; Hỗ trợ tư liệu sản xuất; Phương pháp kết nối điểm xu hướng (PSM)

**4. Kiểm soát tham nhũng và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại ASEAN: Một tiếp cận thực nghiệm/** Nguyễn Quốc Trâm, Hoàng Hồng Hiệp// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 31 – 38

**Tóm tắt:** Sử dụng các mô hình kinh tế lượng, nghiên cứu này kiểm tra vai trò của việc kiểm soát tham nhũng trong thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các quốc gia ASEAN trong giai đoạn 1998- 2013. Kết quả ước lượng chỉ ra rằng, sau khi kiểm soát các nhân tố về quy mô thị trường, sự ổn định kinh tế vĩ mô, chất lượng cơ sở hạ tầng và tỷ lệ lãi suất thực, chúng tôi đã tìm thấy bằng chứng ý nghĩa rằng, quốc gia kiểm soát tốt tham nhũng có thể góp phần thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những kết quả thực nghiệm này cho phép chúng tôi gợi mở một số khuyến nghị chính sách nhằm giúp Việt Nam đẩy mạnh thu hút FDI trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực.

**Từ khóa:** FDI; ASEAN; Các nhân tố; Dữ liệu bảng; Nhân tố; Tham nhũng; Thể chế

**5. Tự chủ tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam/** Lê Trung Thành, Đoàn Xuân Hậu, Nguyễn Bá Nhẫn// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 39 – 45

**Tóm tắt:** Tự chủ tài chính là yếu tố quyết định đến việc phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra của cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của 10 trường có thời gian thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ từ 2 năm trở lên, bài viết hướng đến làm rõ ảnh

hưởng của NQ77 đến hoạt động tài chính và từ đó chỉ ra những thành tựu bước đầu các trường đã đạt được, những khó khăn và vướng mắc trong quá trình thực hiện, trên cơ sở đó đề xuất cơ chế chính sách thực hiện tự chủ đối với các cơ sở GDĐH công lập phù hợp với điều kiện Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

**Từ khóa:** Tự chủ tài chính; Cơ sở giáo dục đại học; Nghị quyết 77/NQ-CP

**6. Phân tích thực trạng mức quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng mô hình Jones điều chỉnh/ Nguyễn Thị Phương Hồng// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 46 – 57**

**Tóm tắt:** Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích thực trạng quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2012 – 2014 bằng mô hình Jones điều chỉnh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức quản trị lợi nhuận của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam so với một số quốc gia khác trên thế giới qua các nghiên cứu ở mức trung bình. Về thực trạng mức quản trị lợi nhuận giai đoạn 2012 - 2014, mức quản trị lợi nhuận tăng từ 2012 đến 2013, tuy nhiên, đến năm 2014, mức quản trị lợi nhuận giảm xuống đáng kể so với cả 2 năm 2012 và 2013. Ngoài ra, mức quản trị lợi nhuận giữa các ngành trong mỗi năm có sự khác nhau và cũng thay đổi qua mỗi năm.

**Từ khóa:** Quản trị lợi nhuận; Chất lượng lợi nhuận; Chất lượng báo cáo tài chính

**7. Mua sắm xã hội trực tuyến: Vai trò của động cơ xã hội/ Nguyễn Hữu Khôi// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 58 – 67**

**Tóm tắt:** Các nghiên cứu trước đây chứng minh rằng động cơ tiện ích và tiêu khiển có tác động đến hành vi mua hàng trực tuyến. Trong bối cảnh mua sắm xã hội trực tuyến, người tiêu dùng còn có động cơ xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu trong quá khứ thường xem động cơ này là một khái niệm đơn hướng. Bên cạnh đó, các nghiên cứu trước đây cũng chưa cung cấp hiểu biết sâu sắc về tác động tổng hợp của ba loại động cơ này đến ý định người tiêu dùng. Nghiên cứu này đề xuất và kiểm định ba thành phần của động cơ xã hội cũng như thảo luận và kiểm định tác động tổng hợp của ba loại động cơ đến ý định tham gia mua sắm xã hội trực tuyến. Dựa trên dữ liệu khảo sát từ 195 người tiêu dùng tại Khánh Hòa, kết quả phân tích cho thấy động cơ xã hội gồm ba thành phần như đề xuất và tác động tổng hợp của ba loại động cơ giải thích 51% ý định hành vi người tiêu dùng.

**Từ khóa:** Mua sắm xã hội trực tuyến; Động cơ tiện ích; Động cơ tiêu khiển; Động cơ xã hội; Tác động tổng hợp

**8. Ảnh hưởng của chính sách tài chính tới chuỗi giá trị thủy sản tại Việt Nam/ Phạm Thị Huyền, Đỗ Thị Phi Hoài// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 68 – 76**

**Tóm tắt:** Xuất khẩu thủy sản là ngành có tiềm năng phát triển của Việt Nam nhưng để tiềm năng đó trở thành hiện thực, rất cần sự vào cuộc của các cơ quan quản lý thông qua hệ thống chính sách, đặc biệt là chính sách tài chính khuyến khích sự tham gia của cá nhân, tổ chức vào chuỗi giá trị thủy sản. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, vấn đề tiếp cận vốn luôn rất khó khăn, với nguyên nhân chủ yếu là tiêu chuẩn cho vay chưa phù hợp với điều kiện sản xuất nhỏ lẻ, quy trình phức tạp, các tổ chức tín dụng chưa muốn đầu tư vào lĩnh vực thủy sản do rủi ro cao và thiếu các văn bản hướng dẫn kịp thời. Một số giải pháp được đề xuất liên quan tới việc cải thiện cơ chế cho vay, lựa chọn mô hình chuỗi giá trị phù hợp với điều kiện sản xuất nhỏ lẻ ở Việt Nam hay chính sách nhằm tăng cường hoạt động của chuỗi và quản lý chuỗi thông qua chính sách tài chính hy vọng sẽ giúp tăng cường hiệu quả hoạt động chuỗi, từ đó, khai thác được tiềm năng vốn có của ngành xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

**Từ khóa:** Chính sách tài chính; Chuỗi giá trị thủy sản

**9. Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định mua sản phẩm lữ hành “online” của người tiêu dùng tại Hà Nội/ Nguyễn Ngọc Đạt, Nguyễn Thanh Hiền, Đặng Bích Ngọc, Nguyễn Văn Duy// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 77 – 87**

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm xác định và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới ý định mua sắm sản phẩm lữ hành “online” của người tiêu dùng Hà Nội. Phương pháp nghiên cứu gồm điều tra bảng hỏi và sử dụng các phân tích dữ liệu đa biến (Cronbach Alpha test, EFA, CFA, SEM). Kết quả từ 548 khách hàng tại các quận nội thành Hà Nội cho thấy ý định mua sắm sản phẩm lữ hành online chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi (1) thái độ với dịch vụ, (2) tính hữu ích cảm nhận, (3) sự thuận tiện và gián tiếp bởi (4) an toàn thông tin, (5) tính dễ sử dụng cảm nhận và (6) sự tin tưởng. Nghiên cứu cũng đem lại hàm ý cho các nhà quản lý và các doanh nghiệp lữ hành để thúc đẩy ý định mua sắm các sản phẩm lữ hành online, các doanh nghiệp cần tập trung vào khai thác các ưu điểm của hệ thống bán hàng online dựa trên tính dễ sử dụng, tính hữu ích và tính thuận tiện của hệ thống cũng như đảm bảo an toàn thông tin khách hàng. Kết quả nghiên cứu cũng có những hạn chế nhất định về phương thức điều tra, quy mô địa bàn điều tra nên tính đại diện của nghiên cứu có thể bị ảnh hưởng.

**Từ khóa:** Ý định mua; Sản phẩm lữ hành; Thái độ; Tính hữu ích cảm nhận; Sự thuận tiện

**10. Ảnh hưởng của lạm phát đến độ biến động giá cổ phiếu: Bằng chứng thực nghiệm từ Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ Võ Quốc Anh, Trương Đông Lộc// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 88 – 95**

**Tóm tắt:** Mục tiêu của bài viết này là nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến mức độ biến động giá của các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm chuỗi chỉ số

VN-Index và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) theo tần suất tháng trong giai đoạn từ 7/2000 đến 01/2017. Kết quả ước lượng bằng mô hình GARCH cho thấy lạm phát có tác động nghịch biến đến mức độ biến động giá của cổ phiếu với một độ trễ thời gian. Tuy nhiên, kết quả ước lượng bằng mô hình EGARCH lại cho thấy lạm phát lại không có tác động đến độ biến động giá của cổ phiếu niêm yết trên HOSE.

**Từ khóa:** Biến động giá cổ phiếu; Lạm phát; GARCH; EGARCH; HOSE

**11. Đánh giá năng lực giảng viên kế toán để thực hiện đào tạo theo IFRS trong các trường đại học ở Việt Nam/** Nguyễn La Soa, Trương Thanh Hằng// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 245 tháng 11/2017 .- Tr. 96 – 104

**Tóm tắt:** Bài viết đánh giá năng lực giảng viên giảng dạy kế toán theo IFRS, so sánh với năng lực thực tế của giảng viên hiện nay dựa trên kết quả khảo sát 214 giảng viên đang thực hiện giảng dạy môn kế toán ở các trường đại học Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các giảng viên đáp ứng khá tốt về ý thức rèn luyện, trách nhiệm với công việc, kỹ năng sư phạm và kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng với các năng lực rất quan trọng trong yêu cầu giảng dạy theo IFRS như: Ý thức sáng tạo, kỹ năng phán xét, kiến thức liên ngành, kiến thức ngoại ngữ thì chưa thực sự tốt, đồng thời mức đáp ứng có sự khác nhau tương đối giữa các nhóm giảng viên. Từ kết quả, bài viết đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao năng lực giảng viên, đáp ứng yêu cầu giảng dạy kế toán theo IFRS.

**Từ khóa:** IFRS; Đào tạo kế toán; Đào tạo theo IFRS; Năng lực giảng viên kế toán

**Trung tâm Thông tin Thư viện**